

C, ngày 02 tháng 3 năm 2020.

Số: 66/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 51/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1. Chị Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm: 1997

Địa chỉ: 40 ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre

2. Anh Nguyễn Thành L, sinh năm: 1995;

Địa chỉ: 128D, ấp P1, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Thành L và chị Nguyễn Thị Thủy T trình bày:

Vợ chồng anh L, chị T cưới nhau vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng đã tìm cách tháo gỡ nhưng không có kết quả. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 đến nay, trong thời gian ly thân cả hai không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống. Anh L, chị T nhận thấy khả năng vợ chồng anh chị không thể tháo gỡ mâu thuẫn, không thể hòa hợp được, tình hình càng lúc càng xấu đi, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn. Từ những căn cứ nêu trên có cơ sở xác định tình trạng của vợ chồng anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh L, chị T là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án

giải quyết.

Anh L, chị T không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[3] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Thành L và chị Nguyễn Thị Thủy T thuận tình ly hôn.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: anh L và chị T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Thành L và chị Nguyễn Thị Thủy T không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

2. Về lệ phí Tòa án: anh Nguyễn Thành L và chị Nguyễn Thị Thủy T mỗi người phải chịu lệ phí là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng chị T tự nguyện nộp thay anh L số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Như vậy, chị T phải nộp tổng cộng số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số: 0009751 ngày 18/02/2020 của Chi cục Thi hành án huyện C, tỉnh Bến Tre. Chị T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ TÊN VÀ ĐÓNG DẤU)

Đỗ Thị Phụng